TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24 – 7 – 2024
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Quốc Hội.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Quốc;

Ông Hoàng Văn Tâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Hoa – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện H – tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H – tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Cao Thị Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hà Thu Bích H1, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: Khu phố O, thị trấn F, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Khu phố O, thị trấn F, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Tất cả có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Hà Thu Bích H1 trình bày:

Bà và ông Nguyễn Trung T sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn F, huyện H, tỉnh Bình Thuận vào ngày 26/3/2014. Sau khi kết hôn, bà và ông T chung sống tại nhà riêng ở khu phố O, thị trấn F. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, chỉ đến khoảng năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không thống nhất quan điểm trong cuộc sống.

Hiện bà và ông T đã không còn sống chung với nhau hơn hai tháng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, chung sống hạnh phúc được. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Trung T.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Trung T có 02 con chung tên là Nguyễn Hà Thiên D, sinh ngày 20/11/2015 và Nguyễn Hà Thiên A, sinh ngày 15/12/2018. Hai cháu hiện đang sống cùng với ông T. Trong đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai ngày 04/7/2024, bà H1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là Nguyễn Hà Thiên D và Nguyễn Hà Thiên A, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 2.00.000 đồng/tháng/con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, bà thay đổi ý kiến, đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung Nguyễn Hà Thiên D và Nguyễn Hà Thiên A cho ông Nguyễn Trung T trực tiếp nuôi dưỡng; bà tự thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án ghi nhận.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Trung T trình bày:

Ông và bà Hà Thu Bích H1 sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn F, huyện H, tỉnh Bình Thuận vào ngày 26/3/2014. Sau khi kết hôn ông và bà H1 chung sống tại nhà riêng ở khu phố O, thị trấn F, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống, thỉnh thoảng vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân chủ yếu là về vấn đề kinh tế. Hiện ông và bà H1 đã không sống chung khoảng hơn hai tháng nay. Nay bà H1 đề nghị ly hôn thì ông không có ý kiến gì do ông theo đạo Thiên chúa không được phép ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông và bà Hà Thu Bích H1 có 02 con chung tên là Nguyễn Hà Thiên D, sinh ngày 20/11/2015 và Nguyễn Hà Thiên A, sinh ngày 15/12/2018. Hiện 02 con chung đang sống cùng với ông. Trong quá trình giải quyết vụ án trước thời điểm mở phiên tòa, ông Nguyễn Trung T trình bày nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con chung, ông không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con, cụ thể bà Hà Thu Bích H1 được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hà Thiên A; ông Nguyễn Trung T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hà Thiên D; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung vụ án: Qua lời khai của đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy bà Hà Thu Bích H1 yêu cầu ly hôn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Ông Nguyễn Trung T và bà Hà Thu Bích H1 có 02 con chung tên là Nguyễn Hà Thiên D, sinh ngày 20/11/2015 và Nguyễn Hà Thiên A, sinh ngày 15/12/2018; tại phiên tòa, hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con, cụ thể bà Hà Thu Bích H1 được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hà Thiên A; ông Nguyễn Trung T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hà Thiên D; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với các quy định của pháp luật; do vậy đề nghị Tòa án ghi nhận.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định:

[2] Đơn khởi kiện ghi ngày 06/6/2024 của bà Hà Thu Bích H1 được gửi trực tiếp đến Tòa án, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Hà Thu Bích H1 khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với ông Nguyễn Trung T. Người bị kiện là ông Nguyễn Trung T có địa chỉ cư trú tại thị trấn F, huyện H. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện H đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu ly hôn: Bà Hà Thu Bích H1 và ông Nguyễn Trung T tự nguyện sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn F, huyện H, tỉnh Bình Thuận vào ngày 26/3/2014. Theo trình bày của hai đương sự, quá trình chung sống hai bên đương sự đã xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm, từ khoảng tháng 4/2024 cho đến nay, hai đương sự không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống. Bà Hà Thu Bích H1 yêu cầu giải quyết cho ly hôn; ông Nguyễn Trung T trình bày cho rằng mặc dù giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng do giáo lý tôn giáo không cho phép ông ly hôn, do vậy ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

[5] Như vậy, với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, có thể xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Hà Thu Bích H1 và ông Nguyễn Trung T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hà Thu Bích H1 theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa.

[6] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Trung T và bà Hà Thu Bích H1 có 02 con chung tên là Nguyễn Hà Thiên D, sinh ngày 20/11/2015 và Nguyễn Hà Thiên A, sinh ngày 15/12/2018; tại phiên tòa, hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con, cụ thể bà Hà Thu Bích H1 được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hà Thiên A; ông Nguyễn Trung T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hà Thiên D; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với các quy định của pháp luật; căn cứ quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giao cho bà Hà Thu Bích H1 được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hà Thiên A; ông Nguyễn Trung T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hà Thiên D; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Hà Thu Bích H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình; Luật thi hành án dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Hà Thu Bích H1 được ly hôn với ông Nguyễn Trung T.

2. Về nuôi con:

2.1. Bà Hà Thu Bích H1 được quyền trực tiếp nuôi con là Nguyễn Hà Thiên A, sinh ngày 15/12/2018. Trong trường hợp cháu Nguyễn Hà Thiên A do ông Nguyễn Trung T hoặc người khác đang trông nom, nuôi dưỡng, quản lý thì bà Hà Thu Bích H1 có quyền yêu cầu những người này giao con hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết để thực hiện quyền trực tiếp nuôi con.

2.2. Ông Nguyễn Trung T được quyền trực tiếp nuôi con là Nguyễn Hà Thiên D, sinh ngày 20/11/2015. Trong trường hợp cháu Nguyễn Hà Thiên D do bà Hà Thu Bích H1 hoặc người khác đang trông nom, nuôi dưỡng, quản lý thì ông Nguyễn Trung T có quyền yêu cầu những người này giao con hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết để thực hiện quyền trực tiếp nuôi con.

2.3. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên khác trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí:

Bà Hà Thu Bích H1 phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn với số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0014655 ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H; như vậy, bà Hà Thu Bích H1 đã nộp đủ án phí sơ thẩm .

4. Về kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/7/2024).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(*Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng sau khi ly hôn có thể được thực hiện theo quy định của pháp luật*).

Nơi nhận:
- *VKSND huyện H;*
- *Chi cục T.H.A.D.S huyện H;*
- *UBND nơi đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Quốc Hội